

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Vĩnh;
2. Ông Đặng Văn Khoái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang là thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 217/2019/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1304/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1358/2019/ QĐ-HPT ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Đ, trú tại: Thôn Xi, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Chu Văn T, trú tại: Thôn Xi, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 7 năm 2019 và các bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Chị và anh Chu Văn T xây dựng hạnh phúc với nhau do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 3 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chung sống

tại Thôn Xi, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng và có 02 con chung. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung và không tin tưởng nhau về tình cảm, vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2014 đến nay, do công việc chị thuê nhà ở đi làm nhưng thường xuyên về nhà chăm sóc con chung. Mâu thuẫn của vợ chồng chị được gia đình khuyên can, hòa giải nhưng do vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên không còn khả năng đoàn tụ. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chu Văn T.

Về con chung: Chị Đ trình bày chị và anh T có 02 con chung là Chu Quỳnh T, sinh ngày 25 tháng 12 năm 2004 và Chu Quỳnh C, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2008. Ly hôn chị đề nghị được nuôi con Chu Quỳnh T, chị nhường anh T nuôi con Chu Quỳnh C. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Chị Đ trình bày chị tự thỏa thuận với anh T, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Chu Văn T có lời khai thể hiện: Anh thống nhất với Chị Đ về thời gian và điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2011 thì vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do chị Đ sống không chung thủy với anh, làm mất tin tưởng về tình cảm đối với anh, chị Đ không nhận được lỗi của mình mặc dù anh cho chị Đ cơ hội để vợ chồng đoàn tụ. Mâu thuẫn vợ chồng được gia đình hòa giải nhưng vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Do vợ chồng không còn tình cảm nên đã sống ly thân nhau, chỉ có trách nhiệm với con chung. Anh không chấp nhận chị Đ, chị Đ xin ly hôn anh, đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Anh T thống nhất vợ chồng có 02 con chung, họ tên tuổi như chị Đ trình bày. Ly hôn anh đề nghị nuôi con Chu Quỳnh C, anh nhường chị Đ nuôi con Chu Quỳnh T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Anh T trình bày anh tự thỏa thuận với chị Đ, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Anh Chu Văn T không có mặt tại phiên tòa là không thực hiện theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 19, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Chu Văn T; về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Đ nuôi con Chu Quỳnh T, sinh ngày 25 tháng 12 năm 2004; giao cho anh Chu Văn T nuôi con Chu Quỳnh C, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2008, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau; về tài sản chung, công nợ: Chị Đ và anh T không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng

12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị Nguyễn Thị Đ phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Chu Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Đ và anh Chu Văn T.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Chu Văn T kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 3 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm nên nhiều lần xảy ra cãi nhau, sống không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Chị Đ và anh T xác nhận đã sống ly thân nhau từ năm 2014 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Đ xin ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Đ và anh T có 02 con chung là Chu Quỳnh T, sinh ngày 25 tháng 12 năm 2004 và Chu Quỳnh C, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2008. Căn cứ vào lời khai của Chị Đ, anh T và ý kiến của các con anh chị. Xét thấy hiện nay anh T, Chị Đ đều có việc làm, có thu nhập và nơi ở ổn định nên Hội đồng xét xử giao cho chị Nguyễn Thị Đ nuôi con Chu Quỳnh T; giao cho anh Chu Văn T nuôi con Chu Quỳnh C, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[5] Về tài sản chung, công nợ: Chị Đ và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Chu Văn T.

2. Về con chung: Giao con Chu Quỳnh T, sinh ngày 25 tháng 12 năm 2004 cho chị Nguyễn Thị Đ nuôi dưỡng; giao con Chu Quỳnh C, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2008 cho anh Chu Văn T nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị Đ đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017309 ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Đ đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Chu Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện A;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhạn